**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TIẾNG ANH LỚP 9**

**Tuần 26**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | **UNIT 8: CELEBRATIONS**  **Lesson 5: Language focus** |
| **Hoạt động 1**:  ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | **Hoạt động 1**: Hs nối các câu. Sử dụng mệnh đề quan hệ.  Example: Tet is a festival. Tet occurs in late January or early February.  => Tet is a festival which occurs in late January or early February.  a. ……………….  b. ………………..  **Hoạt động 2**: Hs miêu tả từng người trong tranh. Sử dụng mệnh đề quan hệ.  Example:  I am the boy who is wearing a white T-shirt.  My Aunt Judy is the woman who is holding Jack.  …………………..  …………………..  **Hoạt động 3**: Hs nối các câu, sử dụng các từ trong ngoặc  ***a)****Thu Ha is not satisfied with her preparations for Tet. Thu Ha has decorated her house and made plenty of cakes. (even though)*  *=> Thu Ha is not satisfied with her preparations for Tet even though she has decorated her house and made plenty of cakes.*  ***…………………………….***  ***…………………………….***  **Hoạt động 3**: Hs nhìn tranh, hoàn thành câu, sử dụng dạng đúng của động từ  **a.** Although Mrs. Thoa was tired, she **helped** Tuan with his homework.  **b.** Even though Liz has an exam tomorrow, **she watches TV.**  …………………….  ……………………. |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | **Hoạt động 5**: Hs ôn lại phần ngữ pháp unit 8 qua những bài tập đã làm  **Các đại từ quan hệ:**  1. WHO:  - làm chủ từ trong mệnh đề quan hệ  - thay thế cho danh từ chỉ người  ● ... N (person) + WHO + V + O  2. WHOM:  - làm túc từ cho động từ trong mệnh đề quan hệ  - thay thế cho danh từ chỉ người  ● ... N (person) + WHOM + S + V  3. WHICH:  - làm chủ từ hoặc túc từ trong mệnh đề quan hệ  - thay thế cho danh từ chỉ vật  ● ... N (thing) + WHICH + V + O  ● ... N (thing) + WHICH + S + V  4. THAT:  - có thể thay thế cho vị trí của who, whom, which trong mệnh đề quan hệ quan hệ xác định  \* Các trường hợp thường dùng “that”:  - khi đi sau các hình thức so sánh nhất  - khi đi sau các từ: only, the first, the last  - khi danh từ đi trước bao gôm cả người và vật  - khi đi sau các đại từ bất định, đại từ phủ định, đại từ chỉ số lượng: no one, nobody, nothing, anyone, anything, anybody, someone, something, somebody, all, some, any, little, none.  Ex: He was the most interesting person that I have ever met.  It was the first time that I heard of it.  These books are all that my sister left me.  She talked about the people and places that she had visited.  \* Các trường hợp không dùng that:  - trong mệnh đề quan hệ không xác định  - sau giới từ  5. WHOSE: dùng để chỉ sở hữu cho danh từ chỉ người hoặc vật, thường thay cho các từ: her, his, their, hoặc hình thức ‘s  ...N (person, thing) + WHOSE + N + V ... |